Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 17.12.2019 07:00:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do- Hạnh phúc
Số: 457 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2019*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện cơ cấu lại NSNN, nợ công năm 2019 theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ

Thực hiện Công văn số 5248/VPCP-KTTH ngày 14/6/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại NSNN, nợ công theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

I. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 07 -NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ ban chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07 -NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Tỉnh ủy Tây Ninh ban hành Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 07 - NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 07 - NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh.

II. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2019

1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước

Trong năm qua, tỉnh Tây Ninh đã rất chú trọng và nỗ lực trong việc đề ra và thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Đặc biệt là tập trung cải cách các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp. Cụ thể:

- Địa phương đẩy mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong các việc giải quyết các hồ sơ, thủ tục thông qua việc cải cách và áp dụng nhiều hình thức tiếp nhận, giải quyết như: nhận và trả kết quả một cửa tại Trung tâm hành chính công; gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; Gửi hồ sơ qua công cụ mạng xã hội Zalo,... Qua đó, người dân, doanh nghiệp tiết kiệm được rất nhiều thời gian, công sức và kinh phí,...

- Trong công tác thu ngân sách, ngành Thuế đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong cải cách thủ tục hành chính thuế; Rà soát, đơn giản thủ tục hành chính thuế; Kịp thời đề xuất với Tổng Cục Thuế đối với TTHC không phù hợp tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế; Hiện đại hóa thu nộp ngân sách như nộp thuế điện tử, kê khai thuế, hoàn thuế qua mạng,... nhằm rút ngắn đến mức thấp nhất thời gian tuân thủ thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế theo Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021.

- Trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường: ban hành hoặc điều chỉnh những chính sách hiện hành trong việc quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên tại địa phương, đảm bảo khai thác có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, đồng thời góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

Địa phương tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để việc thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành góp phần ngày càng hoàn thiện thể chế, văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

2. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

2.1. Kết quả cơ cấu đầu tư công, trọng tâm là đầu tư công, tập trung vào đổi mới căn bản cơ chế và cách thức huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư xã hội

Đầu tư công có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò là "đòn bẩy" đối với một số ngành và vùng trọng điểm, đồng thời thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh. Trước đòi hỏi nâng cao hiệu quả đầu tư công cũng như thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, Quốc hội về đầu tư công, mới đây Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 27/NQ-CP ngày 21/02/2017, trong đó yêu cầu tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công.

Năm 2019 tỉnh Tây Ninh tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công, bảo đảm nguyên tắc: Chỉ quyết định đầu tư đối với dự án đã đủ thủ tục theo quy định và khi đã xác định rõ nguồn, mức vốn và khả năng cân đối nguồn vốn, đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao

hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Rà soát danh mục các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn vay nợ công, kiên quyết cắt giảm vốn chương trình, dự án không đảm bảo hiệu quả, không thực sự cần thiết, kết quả qua một năm điều hành như sau:

a) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư năm 2019

Tổng vốn đầu tư XDCB năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng, bao gồm: Tổng vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết HĐND tỉnh 2.359,02 tỷ đồng *(nguồn ngân sách tập trung 592,02 tỷ đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 252 tỷ đồng; nguồn xổ số kiến thiết 1.515 tỷ đồng)*; Vốn ngân sách trung ương - vốn trong nước 258,734 tỷ đồng; Vốn ngân sách trung ương - vốn nước ngoài (ODA) 105,613 tỷ đồng; Vốn TPCP 100 tỷ đồng.

Đến ngày 31/10/2019 đã giải ngân 1.809,772 triệu đồng, đạt 64,10% kế hoạch. Ước khối lượng thực hiện năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng và giải ngân năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 4,15% so cùng kỳ (*Năm 2018 là 2.710,819 tỷ đồng*). Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

- Nguồn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 2.359,02 tỷ đồng; đến ngày 31/10/2019, giải ngân 1.451,871 tỷ đồng, đạt 61,55% kế hoạch, ước khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2019 là 2.359,02 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Nguồn Trung ương hỗ trợ: Kế hoạch vốn 258,734 tỷ đồng; đến ngày 31/10/2019, giải ngân 189,059 tỷ đồng, đạt 73,07% kế hoạch, ước khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2019 là 258,734 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Nguồn vốn ODA: Kế hoạch vốn 105,613 tỷ đồng, đến ngày 31/10/2019, giải ngân 68,842 tỷ đồng, đạt 65,18% kế hoạch, ước khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2019 là 105,613 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Nguồn vốn TPCP: Kế hoạch vốn 100 tỷ đồng, đã giải ngân 100 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

b) Tình hình cơ cấu lại đầu tư công năm 2019

Năm 2019, tỉnh tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của địa phương, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách làm cơ sở đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền; khai thác tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, cụ thể:

- Việc phân khai, giao kế hoạch qua các năm cơ bản tuân thủ các thủ tục, chỉ đạo của Trung ương; đúng định hướng của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục được tình trạng dàn trải, thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác chuẩn bị đầu tư được quan tâm hơn, làm cơ sở cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung chuẩn bị đầu tư kịp thời, phù hợp nguồn lực. Công tác thẩm định dự án, đấu thầu thực hiện, kiểm tra giám sát được tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều hành UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát cụ thể việc triển khai thực hiện các dự án, kịp thời điều chỉnh, bổ sung vốn từ các công trình, dự án không hoàn thành sang dự án có khối lượng, dự án hoàn thành, phát huy hiệu quả. Việc giải ngân các nguồn vốn đã được chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nên khối lượng thực hiện và giải ngân hàng năm đạt tỷ lệ rất cao. Công tác quyết toán các dự án hoàn thành được quan tâm, đến nay cơ bản đã xử lý hết các tồn tại cũ, các dự án mới khi hoàn thành được tập trung cho hồ sơ quyết toán, hạn chế việc chậm trễ kéo dài.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân; ưu tiên vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối đến các khu du lịch, điểm tham quan; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các khu du lịch, điểm tham quan để phát triển nhanh các ngành dịch vụ nhất là du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.

- Quy hoạch hợp lý và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng nông nghiệp chất lượng cao.

- Tiếp tục đầu tư trong các lĩnh vực thiết yếu như giáo dục, y tế; đồng thời có chính sách phù hợp để huy động vốn xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực này nhằm chia sẻ gánh nặng đầu tư cho ngân sách nhà nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, môi trường thuận lợi nhằm huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác cùng với nhà nước đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Ưu tiên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng, đảm bảo có tính hệ thống, đồng bộ làm cơ sở để lập, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.

- Việc bố trí vốn cho các dự án tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết, Thông tư hướng dẫn Luật Đầu tư công, Nghị quyết, Chỉ thị của Thủ tướng và văn bản của Bộ, ngành trung ương, nên hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh.

- Công tác thực hiện cải cách hành chính liên quan đến đầu tư cũng được tỉnh quan tâm chỉ đạo: phân cấp quản lý đầu tư, thực hiện theo tiêu chuẩn ISO, rút ngắn thời gian trong thẩm định dự án, thẩm định kế hoạch đấu thầu... tạo điều kiện thuận

lợi cho việc triển khai dự án và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 về Phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016-2020", số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020, số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn và cổ phần hóa tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước như sau:

a) Công tác cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của về Phương án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 về Phương án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Khai thác Thủy lợi Tây Ninh giai đoạn 2016-2020. Đầu năm 2019, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh đã thực hiện đầy đủ theo các nội dung trong phương án cơ cấu lại doanh nghiệp. Qua thời gian thực hiện, 02 công ty có kết quả tài chính năm 2019 đạt hiệu quả; thực hiện các biện pháp quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, bảo toàn và phát triển vốn; có các biện pháp kinh doanh hiệu quả, tỷ lệ tiêu thụ và lợi nhuận đều tăng.

b) Công tác thoái vốn nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về Kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017-2020. Trong năm 2019 theo kế hoạch sẽ thực hiện thoái vốn đối với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (35% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh (49% vốn điều lệ). Đang thực hiện giải thể Công ty Cổ phần Cao su 1-5 Tây Ninh. Riêng đối với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Tây Ninh: tiếp tục giữ vốn nhà nước (40% vốn điều lệ).

2.3. Tái cơ cấu việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục, y tế và khoa học công nghệ

Tiếp tục đổi mới khu vực sự nghiệp công, trên cơ sở từng bước điều chỉnh giá các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình, đảm bảo chi an sinh xã hội, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước để giảm chi ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp, dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng nghèo, chính sách sử dụng dịch vụ công.

a) Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 về đề án Hỗ trợ giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2020, theo đó, địa phương đang kêu gọi xã hội hóa về đầu tư giáo dục mầm non theo đề án. Ngoài ra, địa phương đang xây dựng Đề án sắp xếp lại Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh theo hướng kêu gọi xã hội hóa để thành lập trường có nhiều cấp học chất lượng cao.

- Thực hiện sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp: địa phương đã xây dựng kế hoạch sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp, theo đó: đối với đơn vị trực thuộc Sở đến năm 2021 sẽ sáp nhập 5 trường THPT có quy mô nhỏ và tuyển sinh đầu cấp còn nhiều khó khăn; Các cơ sở giáo dục thuộc phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố đến năm 2021 sáp nhập 26 trường tiểu học, 11 trường THCS. Đến nay, đã thực hiện giảm 48 cơ sở giáo dục *(Mầm non 07 trường, Tiểu học 33 trường trường, THCS 03 trường và THPT 05 trường).*

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng viên chức sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp. Theo lộ trình phấn đấu chuyển Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh sang loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư sau năm 2020 và 5 trường thí điểm chất lượng cao sẽ chuyển sang tự chủ toàn bộ chi thường xuyên sau năm 2020.

b) Đối với lĩnh vực Y tế:

Địa phương đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý, các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn và hoạt động có hiệu quả, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN theo lộ trình.

Các đơn vị y tế công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo đúng lộ trình, tăng hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí, tăng nguồn thu cho bệnh viện, thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện. Cơ chế tự chủ hoạt động còn làm tăng tính chủ động sáng tạo và ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của các đơn vị, đồng thời làm tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở y tế công lập, tạo điều kiện đa dạng hóa các hoạt động y tế. Từ đó khuyến khích các đơn vị mở rộng hoạt động dịch vụ, nâng cao khả năng đáp ứng của cơ sở y tế đối với nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

Từ năm 2018 dịch vụ y tế đã chuyển từ cơ chế phí, lệ phí sang cơ chế giá theo Luật giá năm 2012. Theo đó, giá dịch vụ khám, chữa bệnh thuộc phạm vi thanh toán Quỹ BHYT và không thuộc phạm vi thanh toán Quỹ BHYT đã được địa phương thực hiện đúng cơ cấu giá, đúng lộ trình và đúng quy định.

Đến năm 2019 các bệnh viện tự đảm bảo kinh phí chi phí kết cấu vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như Quỹ lương với mức lương cơ bản 1.390.000

đồng/tháng bộ phận trực tiếp phục vụ công tác chăm sóc, khám bệnh, chữa bệnh, phụ cấp thường trực, thủ thuật, phẫu thuật và chi phí trực tiếp tính trong mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác chăm sóc, điều trị hàng ngày, xử lý chất thải, nước thải, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế...

Các cơ sở y tế công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên có nguồn thu chưa đảm bảo đủ chi phí thường xuyên thì NSNN hỗ trợ để đảm bảo đủ nguồn để chi phí hoạt động hoàn thành công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Ngoài ra, địa phương đã thực hiện xã hội hóa dịch vụ công theo quy định, lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết có tư cách pháp nhân, đủ năng lực tài chính, trang thiết bị liên doanh, liên kết mới, hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu phục vụ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

c) Đối với lĩnh vực Khoa học Công nghệ:

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung thực hiện việc cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN theo hướng phục vụ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống. Địa phương thực hiện đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN, đã kịp thời cụ thể hoá những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương vận dụng vào thực tiễn địa phương như: ban hành Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 về ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 về ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Qua đó đã đẩy mạnh cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), đảm bảo tính ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn; tạo nhiều thuận lợi trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các hội đồng tư vấn KH&CN, tăng tính chủ động trong công tác quản lý và triển khai nhiệm vụ KH&CN, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học, đảm bảo cho việc trả công xứng đáng cho những người trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

2.4. Về sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế

a) Về tinh giản biên chế:

Trong năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế cho 171 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (*khối hành chính nhà nước 34; khối Đảng, đoàn thể 28; khối sự nghiệp 90; cấp xã 19*).

b) Về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho 19/19 Sở, ban, ngành tỉnh, 09/09 UBND các huyện, thành phố và 641/670 đơn vị sự nghiệp công lập. Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã thực hiện sắp xếp bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Qua tổng hợp rà

soát, hầu hết các cơ quan, đơn vị hiện nay đã bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm, khung năng lực và bảng mô tả công việc; phù hợp với ngành nghề được đào tạo và đảm bảo ngạch theo quy định. Việc sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức theo từng nhóm như lãnh đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ phục vụ phát huy được năng lực, sở trường, chuyên môn, nghiệp vụ của từng công chức, viên chức đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao; tránh được sự chồng chéo trong phân công nhiệm vụ đối với công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và bố trí công chức, viên chức đảm bảo theo đúng quy định. Thực hiện sắp xếp bố trí số lượng lãnh đạo các cấp nhất là số lượng lãnh đạo cấp phó đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn.

c) Việc thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy

Trong năm 2019, việc sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh được thực hiện đúng, nghiêm theo các văn bản: Kế hoạch số 1857/KH-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 22/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) giai đoạn 2018 - 2021, một số kết quả đạt được như sau:

- Việc rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được thực hiện thường xuyên; đồng thời sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, các cơ quan, đơn vị đều chủ động ban hành quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn-, nghiệp vụ thuộc Sở.

- Về sắp xếp các cơ quan hành chính thuộc tỉnh: Trong năm 2019, tỉnh đã sắp xếp giảm 01 cơ quan cấp tỉnh; sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở: tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh, sửa đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định đối với **16/19** cơ quan, còn **03/19** cơ quan đang hoàn chỉnh hồ sơ (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Tư pháp). Qua sắp xếp đã giảm được 27 phòng chuyên môn và 07 Chi cục.

- Về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh: Qua sắp xếp đã giảm 27 đơn vị cấp tỉnh; giảm 44 đơn vị cấp huyện.

(Chi tiết theo biểu 03 kèm theo)

3. Kết quả thực hiện cơ cấu NSNN thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017 - 2020 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh tiếp tục thực hiện cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ.

3.1. Về thu NSNN

Ước thực hiện tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2019 là 9.366 tỷ đồng, đạt 117,1% dự toán, tăng 22,1% cùng kỳ, trong đó: Thu nội địa: 8.000 tỷ đồng, đạt 108,8% dự toán, tăng 17,6% cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 85,4% trong tổng thu NSNN; Thu xuất nhập khẩu: 1.366 tỷ đồng, đạt 210,2% dự toán, tăng 59,1% cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 14,6% trong tổng thu NSNN. *(kèm biểu số 01)*

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm lãnh chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành tỉnh với UBND các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Thu nội địa là nguồn thu quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN. Địa phương đã rất tích cực trong việc khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định; khai thác tốt nguồn thu từ tài sản (trong đó có tài sản công), tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm huy động vốn phát triển kinh tế - xã hội.

Địa phương đã chủ động đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thu, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại và chuyển giá. Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, loại bỏ những thủ tục không cần thiết, tạo hành lang thông thoáng cho các nhà đầu tư và người dân trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo cơ chế "Một cửa" để giảm bớt thời gian, chi phí cho các nhà đầu tư nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh. Tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phát triển ổn định, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu và tăng nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước.

Nâng cao chất lượng công tác dự báo thu, kết hợp với tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách thông qua kiểm soát chặt chẽ nguồn thu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

Thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận và các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế; biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế.

3.2. Về chi NSĐP

Tổng chi NSĐP: 9.915,8 tỷ đồng, đạt 112,7% dự toán, tăng 19,5% cùng kỳ, trong đó:

- Chi cân đối NSĐP: 8.785 tỷ đồng, đạt 107,6% dự toán, tăng 17,7% cùng kỳ, trong đó: chi đầu tư phát triển: 2.951 tỷ đồng, tăng 18,4% dự toán, tăng 19% cùng kỳ; chi thường xuyên: 5.811,5 tỷ đồng, tăng 6,6% dự toán, tăng 18,9% cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.130,8 tỷ đồng, đạt 177,8% dự toán, tăng 35,1% cùng kỳ.

(Kèm biểu số 02)

Chi ngân sách nhà nước gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, triệt để tiết kiệm chi tiêu mua sắm tài sản công; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, cơ cấu lại chi thường xuyên NSNN, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng NSNN thực hiện ưu tiên các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, tập trung các lĩnh vực thiết yếu, ngân sách nhà nước phải đảm bảo, hỗ trợ. Cụ thể: Trong xây dựng dự toán và điều hành chi cân đối ngân sách địa phương, địa phương thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực, theo hướng: tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên *(trong đó: Tỷ trọng chi đầu tư phát triển: dự toán năm 2019 là 30,5%, tăng so năm 2018 là 0,2%; thực hiện là 33,6%, tăng so năm 2018 là 0,4%)*; Chi thường xuyên đảm bảo: thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, giáo dục đào tạo, sự nghiệp kinh tế; giảm tỷ trọng chi quản lý hành chính nhà nước chủ yếu trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế. Thực hiện công khai, minh bạch ngân sách,... quản lý nợ công đảm bảo an toàn bền vững.

Trong điều hành ngân sách, UBND tỉnh tổ chức chỉ đạo, điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Hầu hết các khoản chi đều đạt, vượt dự toán và đảm bảo cơ bản các nhu cầu về chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên.

3.3. Về nợ vay của NSĐP: Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán năm 2019 tổng dư nợ là 42,038 tỷ đồng. Tổng dư nợ đầu năm là 42,038 tỷ đồng, trả nợ gốc vay trong năm 16,815 tỷ đồng, tổng dư nợ cuối năm là 25.223 tỷ đồng, nợ vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài (*Vốn vay AFD để thực hiện Dự án Phát triển mía đường Tây Ninh 25.223 tỷ đồng*).

4. Tuân thủ pháp luật về tài chính - ngân sách, nợ công; quyết liệt thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các giải pháp quản lý tài chính - ngân sách: Quản lý chặt chẽ chi NSNN; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm soát chi NSNN để đảm bảo chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý tài chính ngân sách và quản lý tài sản của Nhà nước; thu

hồi đầy đủ vào NSNN đối với các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Tăng cường công tác quản lý thu NSNN trên địa bàn; xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý tài chính - ngân sách và tài sản của Nhà nước; thu hồi đầy đủ vào NSNN đối với các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Làm tốt công tác tuyên truyền; công khai, minh bạch hoạt động tài chính - NSNN; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị. Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường giám sát của cộng đồng.

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với mục tiêu là đẩy mạnh thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với những kết quả cụ thể; tập trung xây dựng các giải pháp quyết liệt để nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

III. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

1. Mục tiêu

Mục tiêu định hướng tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ ban chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07 -NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 07 - NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 07 - NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về Chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh.

Phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tài chính ngân sách năm 2020; Tập trung huy động đầy đủ, kịp thời mọi nguồn thu trên địa bàn tỉnh để đảm bảo các nhu cầu chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư xây

dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương theo Nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra.

Hỗ trợ tối đa việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020; tiếp tục thực hiện các giải pháp mang tính đột phát để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ vay theo hướng bảo đảm an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế; tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng, siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính-ngân sách; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế, giải quyết tốt nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Tiếp tục thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển; hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại bộ máy và tinh giản biên chế theo Nghị quyết của Bộ Chính trị; Nghị quyết của Chính phủ; Hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và tình hình thực tế của địa phương.

2. Về thực hiện dự toán thu, chi NSNN

Năm 2020 là năm cuối của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017 - 2020 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2016 - 2020.

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo đầy đủ chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát tình hình thu ngân sách nhà nước các năm 2016 - 2018 và ước thực hiện năm 2019; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước, đặc biệt là những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2020; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho địa phương.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm

2020; Các chế độ, chính sách nhà nước hiện hành. Dự toán NSNN năm 2020 phân bổ như sau:

2.1. Về thu NSNN:

Tổng thu NSNN trên địa bàn là 10.000 tỷ đồng, tăng 25% dự toán năm 2019, tăng 6,8% với ước thực hiện năm 2019, bao gồm: Thu nội địa 9.250 tỷ đồng, tăng 25,9% dự toán năm 2019, tăng 15,6% với ước thực hiện năm 2019; tăng 1.078 tỷ đồng Bộ Tài chính giao; Thu thuế xuất, nhập khẩu (Hải quan thu): 750 tỷ đồng, tăng 15,4% dự toán và giảm 45,1% ước thực hiện năm 2019; tăng 100 tỷ đồng Bộ Tài chính giao.

2.2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương: 11.123,5 tỷ đồng, tăng 26,4% dự toán năm 2019, bao gồm: Chi cân đối ngân sách: 10.175,3 tỷ đồng, tăng 24,6% dự toán năm 2019; Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 948,2 tỷ đồng, tăng 49,1% dự toán năm 2019.

2.3. Những giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2020

Để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020, cần quán triệt và thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

*** Về thu NSNN:**

- Các ngành, các cấp phải triển khai nhiệm vụ thu ngay từ đầu năm, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, trong đó, tiếp tục thực hiện tốt chế độ, chính sách thu được ban hành sửa đổi, bổ sung đã có hiệu lực thi hành và các chế độ, chính sách thu có hiệu lực từ năm 2020, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi trốn, lậu thuế, chuyển giá, làm giá, bảo vệ thị trường và người tiêu dùng; các hoạt động thu phạt vi phạm hành chính; Chủ động khai thác các khoản thu từ đất, các khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản. Tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc, thu hút đầu tư, tăng thêm năng lực sản xuất mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu vững chắc, lâu dài cho ngân sách nhà nước.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm phát luật về thu ngân sách; Thu dứt điểm các khoản truy thu, phạt thuế theo kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ thuế, thực hiện cưỡng chế nợ thuế đúng trình tự và thủ tục quy định.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách; đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, từng khu vực thu, từng sắc thuế và có phương án thu kịp thời, dự báo thu hàng tháng, hàng quý sát đúng với thực tế phát sinh. Xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các

giải pháp quản lý hiệu quả. Ngành quản lý thu, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách; Thường xuyên kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế, kiểm tra các tờ khai có sự mâu thuẫn, những lĩnh vực kinh doanh có dấu hiệu tiềm ẩn kê khai không đủ thuế, để kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Công tác thông tin, tuyên truyền chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế ở tất cả các khâu, các bộ phận, được đổi mới phương thức. Kịp thời biểu dương thành tích của các tổ chức, cá nhân có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, có đóng góp số thu lớn cho ngân sách nhà nước.

- Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp nợ thuế dây dưa kéo dài theo quy định của Luật Quản lý thuế; Thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thu nợ thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, phấn đấu tổng số nợ thuế không vượt quá 5% tổng thu ngân sách năm 2020.

*** Về chi ngân sách**

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện quản lý phân khai, điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo theo Luật Đầu tư công, các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo đúng quy định. Đối với vốn đầu tư XDCB từ nguồn thu hoạt động Xổ số kiến thiết được sử dụng để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; trong đó tập trung cho các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo quy định.

- Chi thường xuyên: Các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo cân đối đủ nguồn thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và đúng quy định của Luật NSNN. Trong đó, chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương tính theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, các khoản trích theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) thực hiện theo Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn. Các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN thực hiện chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, đúng định mức chi tiêu theo quy định, quản lý kinh phí chặt chẽ. Việc sử dụng kinh phí phải triệt để tiết kiệm, có hiệu quả, cắt giảm các khoản chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị; hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác. Đảm bảo kinh phí cho bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động, đặc biệt chú trọng chi các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, khoa học - công nghệ, môi trường, văn hóa - thông tin, đảm bảo xã hội, quốc phòng - an ninh, phòng chống dịch bệnh,... Thực hiện chi chuyển nguồn đối với các nội dung chi theo quy định.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: Giai đoạn 2016-2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Việc phân bổ và sử dụng vốn các chương trình, dự án phải thực hiện theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng quy định. Đồng thời, thực hiện phân khai kế hoạch vốn giao cho đơn vị sử dụng ngay từ dự toán đầu năm.

- Công tác kiểm soát chi và thanh, kiểm tra: Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả tài sản công, sử dụng kinh phí nhà nước đúng định mức, chế độ theo quy định. Cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước thực hiện tốt việc quản lý và kiểm soát chi đối với các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách đúng quy định. Các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành cần tăng cường công tác thanh kiểm tra đối với các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN, qua đó kịp thời chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, tham nhũng. Thực hiện công khai minh bạch tài chính ngân sách ở các ngành, các cấp, các doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định.

3. Tăng cường tuân thủ pháp luật về tài chính - ngân sách, nợ công; quyết liệt thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách phải gắn liền với việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong các lĩnh vực có liên quan, như: quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, quản lý đầu tư xây dựng,... Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện các giải pháp sau để tăng cường kỷ cương, kỷ luật NSNN, cụ thể:

Thứ nhất, quản lý chặt chẽ chi NSNN; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm soát chi NSNN để đảm bảo chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý tài chính ngân sách và quản lý tài sản của Nhà nước; thu hồi đầy đủ vào NSNN đối với các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi.

Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm phát luật về thu ngân sách; Thu dứt điểm các khoản truy thu, phạt thuế theo kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ thuế, thực hiện cưỡng chế nợ thuế đúng trình tự và thủ tục quy định thu hồi đầy đủ vào NSNN.

Thứ ba, làm tốt công tác tuyên truyền; công khai, minh bạch hoạt động tài chính - NSNN; Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường giám sát của cộng đồng.

Thứ tư: Quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, triệt để tiết kiệm: Thực hiện phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước đúng thời hạn, nội dung, đối tượng, lĩnh vực theo quy định; đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ/dự án quan trọng, cấp bách và chủ động bố trí kinh phí để hoàn trả kinh phí đã ứng trước, xử lý

nợ đọng theo quy định. Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; triệt để tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định, hạn chế việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước, giảm số chi chuyển nguồn sang năm sau.

4. Đầu tư công, trọng tâm là đầu tư công, tập trung vào đổi mới cơ chế và cách thức huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư xã hội

Phấn đấu hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020, tỉnh dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020 đối với công tác tái cơ cấu đầu tư công trên địa bàn tỉnh như sau:

- Việc lập kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; các quy định có liên quan, phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong đó, ưu tiên bố trí vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Rà soát danh mục các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn vay nợ công, kiên quyết cắt giảm các chương trình, dự án không đảm bảo hiệu quả, chưa thực sự cần thiết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay.

- Nêu cao trách nhiệm trước pháp luật của người đứng đầu của địa phương trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác.

5. Về sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) "Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện giai đoạn 2018-2021.

6. Tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống cải cách hành chính; tăng cường thanh tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

IV. Tồn tại, hạn chế, kiến nghị

1. Tồn tại, hạn chế

Hiện nay, Trung ương vẫn chưa ban hành quy định hướng dẫn về việc thực hiện xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục, Y tế nên việc thực hiện xã hội hóa, tự chủ của các đơn vị còn chậm, cần phải có thời gian, lộ trình thực hiện và phải có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, gây khó khăn trong việc tinh giảm biên chế theo quy định.

2. Kiến nghị

- Chính phủ sớm ban hành Nghị định quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2004 và Nghị định số 37/2004/NĐ-CP ngày 05/5/2014, theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; tinh gọn, giảm đầu mối, nhất là giảm các chi cục trực thuộc Sở có quy mô nhỏ.

- Trung ương ban hành các quy định về việc thực hiện xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là ngành Giáo dục, Y tế.

- Đề nghị Trung ương quy định rõ hơn về tiêu chí giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập vì hiện nay các Thông tư quy định về định mức biên chế của ngành Giáo dục, ngành Y tế vẫn có hiệu lực

nhưng số biên chế được Trung ương giao thấp hơn định mức quy định. Mặt khác, số lượng biên chế công chức được giao giữa các tỉnh, thành phố khác nhau nhưng đều thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 là 10% nên sẽ khó khăn cho các đơn vị được giao biên chế ít.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- TT: TU; HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, KTTC; NC;
- Lưu: VT. VP.

(Dương Thảo 2019 30. BC_
20

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Biểu số 1

TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN 03 NĂM: 2018, 2019, 2020

(Kèm theo báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 04 /12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		So sánh (%)						
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Ước thực hiện	BTC giao	Địa phương	DT 2019/DT 2018	DT 2019/TH 2018	TH 2019 với DT 2019	TH 2019/TH 2018	DT 2020 với DT 2019	DT 2020 với UTH 2019	DT 2020 ĐP/DT 2019 BTC
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/3	10=5/4		11=6/4	12=8/5	13=8/6	14=8/7
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)**	**6.907.000**	**7.673.047**	**8.000.000**	**9.366.000**	**8.822.000**	**10.000.000**	**115,8%**	**104,3%**	**117,1%**	**122,1%**	**125,0%**	**106,8%**	**113,4%**
I	**Thu nội địa**	**6.307.000**	**6.800.174**	**7.350.000**	**8.000.000**	**8.172.000**	**9.250.000**	**116,5%**	**108,1%**	**108,8%**	**117,6%**	**125,9%**	**115,6%**	**113,2%**
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	660.000	529.965	625.000	545.000	531.000	531.000	94,7%	117,9%	87,2%	102,8%	85,0%	97,4%	100,0%
1.1	*Thu từ DNNN trung ương*	*500.000*	*435.223*	*490.000*	*440.000*	*424.000*	*424.000*	*98,0%*	*112,6%*	*89,8%*	*101,1%*	*86,5%*	*96,4%*	*100,0%*
1.2	*Thu từ DNNN địa phương*	*160.000*	*94.742*	*135.000*	*105.000*	*107.000*	*107.000*	*84,4%*	*142,5%*	*77,8%*	*110,8%*	*79,3%*	*101,9%*	*100,0%*
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	490.000	434.216	470.000	740.000	781.000	851.000	95,9%	108,2%	157,4%	170,4%	181,1%	115,0%	109,0%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.233.000	1.471.652	1.600.000	1.650.000	1.850.000	1.850.000	129,8%	108,7%	103,1%	112,1%	115,6%	112,1%	100,0%
4	Lệ phí trước bạ	290.000	322.092	325.000	400.000	440.000	440.000	112,1%	100,9%	123,1%	124,2%	135,4%	110,0%	100,0%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	11.671	8.000	12.500	13.000	13.000	114,3%	68,5%	156,3%	107,1%	162,5%	104,0%	100,0%
6	Thuế thu nhập cá nhân	610.000	649.212	710.000	780.000	900.000	900.000	116,4%	109,4%	109,9%	120,1%	126,8%	115,4%	100,0%
7	Thuế bảo vệ môi trường	500.000	463.052	705.000	625.000	670.000	670.000	141,0%	152,3%	88,7%	135,0%	95,0%	107,2%	100,0%
8	Thu phí, lệ phí	400.000	420.158	460.000	500.000	540.000	570.000	115,0%	109,5%	108,7%	119,0%	123,9%	114,0%	105,6%
9	Thu tiền sử dụng đất	200.000	384.707	360.000	508.000	300.000	408.000	180,0%	93,6%	141,1%	132,0%	113,3%	80,3%	136,0%
	Trong đó: Thu theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP				*0*	*0*	*107.900*							
10	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	200.000	276.155	290.000	390.000	260.000	1.019.000	145,0%	105,0%	134,5%	141,2%	351,4%	261,3%	391,9%
	Trong đó:- Thu theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP				*0*	*0*	*288.500*							
	- Thuê đất nông nghiệp, phi nông nghiệp				*0*		*667.400*							
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	17.362	21.000	36.000	30.000	30.000	70,0%	121,0%	171,4%	207,3%	142,9%	83,3%	100,0%
12	Thu khác ngân sách	210.000	229.288	230.000	218.000	250.000	261.000	109,5%	100,3%	94,8%	95,1%	113,5%	119,7%	104,4%
	Trong đó: Thu theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP				*0*		*11.000*							
13	Các khoản thu tại xã	20.000	25.700	21.000	21.000	2.000	2.000	105,0%	81,7%	100,0%	81,7%	9,5%	9,5%	100,0%
14	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	7.000	12.541	10.000	4.500	5.000	5.000	142,9%	79,7%	45,0%	35,9%	50,0%	111,1%	100,0%
15	Thu từ hoạt động sổ xố kiến thiết	1.450.000	1.552.403	1.515.000	1.570.000	1.600.000	1.700.000	104,5%	97,6%	103,6%	101,1%	112,2%	108,3%	106,3%
II	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**	**600.000**	**858.643**	**650.000**	**1.366.000**	**650.000**	**750.000**	**108,3%**	**75,7%**	**210,2%**	**159,1%**	**115,4%**	**54,9%**	**115,4%**
III	**Thu viện trợ**		**589**						**0,0%**		**0,0%**			
IV	**Thu đóng góp**		**13.641**						**0,0%**		**0,0%**			

Biểu số 2

TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 03 NĂM: 2018, 2019, 2020

(Kèm theo báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 09 /12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		DT 2020		So sánh (%)						
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Ước thực hiện	BTC giao	Địa phương	DT 2019/DT 2018	DT 2019/TH 2018	TH 2019 với DT 2019	TH 2019/TH 2018	DT 2020 với DT 2019	DT 2020 với UTH 2019	DT 2020 ĐP/DT 2019 BTC
A	B		1	3	4									
	TỔNG CHI NSĐP (A+B)	8.445.500	8.298.523	8.800.000	9.915.825	10.040.296	11.123.500	104,2%	106,0%	112,7%	119,5%	126,4%	112,2%	110,8%
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	7.190.073	7.461.441	8.164.042	8.784.991	9.097.181	10.175.308	113,5%	109,4%	107,6%	117,7%	124,6%	115,8%	111,9%
I	**Chi đầu tư phát triển**	2.177.090	2.480.300	2.491.920	2.951.353	2.702.522	3.293.520	114,5%	100,5%	118,4%	119,0%	132,2%	111,6%	121,9%
1	***Chi đầu tư XDCB***	*2.137.090*	*2.269.797*	*2.419.920*	*2.803.753*	*2.702.522*	*3.211.920*	*113,2%*	*106,6%*	*115,9%*	*123,5%*	*132,7%*	*114,6%*	*118,8%*
*	***Chi XDCB theo nguồn***	*2.137.090*	*2.269.797*	*2.419.920*	*2.803.753*	*2.702.522*	*3.211.920*	*113,2%*	*106,6%*	*115,9%*	*123,5%*	*132,7%*	*114,6%*	*118,8%*
1.1	Chi từ nguồn NSĐP	547.090	690.744	592.020	672.969	656.222	663.540	108,2%	85,7%	113,7%	97,4%	112,1%	98,6%	101,1%
1.2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	140.000	218.751	252.000	267.884	300.000	702.080	180,0%	115,2%	106,3%	122,5%	278,6%	262,1%	234,0%
1.3	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết (Trong đó: chi trả nợ gốc vốn vay AFD: 14.681.635.017 đồng)	1.450.000	1.359.713	1.515.000	1.862.900	1.600.000	1.700.000	104,5%	111,4%	123,0%	137,0%	112,2%	91,3%	106,3%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP			60.900		146.300	146.300			0,0%		240,2%		100,0%
1.5	Chi đầu tư từ viện trợ nước ngoài		589						0,0%		0,0%			
2	***Chi đầu tư tạo lập Quỹ Phát triển đất***	*40.000*	*98.503*	*72.000*	*102.600*		*81.600*	*180,0%*	*73,1%*	*142,5%*	*104,2%*	*113,3%*	*79,5%*	
3	***Chi bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh***		*112.000*		*45.000*				*0,0%*		*40,2%*		*0,0%*	
II	**Chi thường xuyên**	4.793.507	4.886.738	5.451.538	5.811.463	5.711.557	5.952.978	113,7%	111,6%	106,6%	118,9%	109,2%	102,4%	104,2%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	649.990	665.289	837.465	879.447	0	911.800	128,8%	125,9%	105,0%	132,2%	108,9%	103,7%	
2	Sự nghiệp môi trường	99.500	102.234	126.500	136.427	77.979	144.490	127,1%	123,7%	107,8%	133,4%	114,2%	105,9%	185,3%
3	Chi SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.006.704	1.953.433	2.179.378	2.268.818	2.372.831	2.372.831	108,6%	111,6%	104,1%	116,1%	108,9%	104,6%	100,0%
4	Chi sự nghiệp Y tế	399.426	407.665	473.950	526.710		480.250	118,7%	116,3%	111,1%	129,2%	101,3%	91,2%	
5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	83.484	60.280	81.080	94.504		95.690	97,1%	134,5%	116,6%	156,8%	118,0%	101,3%	
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	30.750	27.248	66.420	70.195		45.360	216,0%	243,8%	105,7%	257,6%	68,3%	64,6%	
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	32.900	31.596	33.390	34.203		34.960	101,5%	105,7%	102,4%	108,3%	104,7%	102,2%	
8	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31.000	29.714	34.970	36.914	27.458	37.750	112,8%	117,7%	105,6%	124,2%	107,9%	102,3%	137,5%
9	Chi đảm bảo xã hội	237.209	268.436	256.036	272.237		308.760	107,9%	95,4%	106,3%	101,4%	120,6%	113,4%	
10	Chi quản lý hành chính	882.637	940.046	931.650	1.014.904	0	1.116.839	105,6%	99,1%	108,9%	108,0%	119,9%	110,0%	
11	Chi An ninh quốc phòng	308.586	368.569	370.500	413.406	0	347.320	120,1%	100,5%	111,6%	112,2%	93,7%	84,0%	
12	Chi khác ngân sách	31.321	32.225	60.199	63.698		56.928	192,2%	186,8%	105,8%	197,7%	94,6%	89,4%	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do địa phương vay**	400	1.773	1.600	1.227	1.400	1.420	400,0%	90,3%	76,7%	69,2%	88,8%	115,7%	101,4%
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương**	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
V	**Dự phòng ngân sách**	168.000		159.400	0	179.020	200.580	94,9%		0,0%		125,8%		112,0%
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	50.076		58.584	0	501.682	720.810	117,0%		0,0%		1230,4%		143,7%
VII	**Chi Ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội**		53.880		5.500		5.000		0,0%		10,2%		90,9%	
VIII	**Chi trả nợ gốc vốn vay đầu tư CSHT từ nguồn kết dư**				10.000								0,0%	

STT	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		DT 2020		So sánh (%)						
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Ước thực hiện	BTC giao	Địa phương	DT 2019/DT 2018	DT 2019/TH 2018	TH 2019 với DT 2019	TH 2019/TH 2018	DT 2020 với DT 2019	DT 2020 với UTH 2019	DT 2020 ĐP/DT 2019 BTC
A	B		1	3	4									
IX	**Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu NS cấp tỉnh năm 2018**		**37.750**	0	4.448				**0,0%**		11,8%		0,0%	
1	Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2018		37.750						0,0%		0,0%			
2	Chi từ nguồn bội thu NS năm 2018				4.448								0,0%	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**	**1.255.427**	**837.082**	635.958	**1.130.834**	**943.115**	**948.192**	**50,7%**	**76,0%**	**177,8%**	**135,1%**	**149,1%**	**83,8%**	**100,5%**
B.1	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**91.555**	**97.755**	142.318	145.718	**230.370**	**230.370**	**155,4%**	**145,6%**	**102,4%**	**149,1%**	**161,9%**	**158,1%**	**100,0%**
	Vốn ĐTPT	64.478	73.913	104.904	106.108	181.994	181.994	162,7%	141,9%	101,1%	143,6%	173,5%	171,5%	100,0%
	Vốn SN	27.077	23.841	37.414	39.610	48.376	48.376	138,2%	156,9%	105,9%	166,1%	129,3%	122,1%	100,0%
B.2	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**1.163.872**	**739.327**	493.640	985.116	**712.745**	**717.822**	**42,4%**	**66,8%**	**199,6%**	**133,2%**	**145,4%**	**72,9%**	**100,7%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1.000.333**	**539.151**	381.636	793.760	**554.350**	**554.350**	**38,2%**	**70,8%**	**208,0%**	**147,2%**	**145,3%**	**69,8%**	**100,0%**
1	**Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài**	**430.259**	**284.413**	127.806	105.613	**192.000**	**192.000**	**29,7%**	**44,9%**	**82,6%**	**37,1%**	**150,2%**	**181,8%**	**100,0%**
2	**Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước**	**151.524**	**150.946**	153.830	321.131	**362.350**	**226.100**	**101,5%**	**101,9%**	**208,8%**	**212,7%**	**147,0%**	**70,4%**	**62,4%**
a	Hỗ trợ nhà ở cho người có công	25.524						0,0%						
b	Các dự án khác	126.000	150.946	153.830	321.131		226.100	122,1%	101,9%	208,8%	212,7%	147,0%	70,4%	
3	**Vốn trái phiếu chính phủ**	**418.550**	**103.793**	100.000	367.016		**136.250**	**23,9%**	**96,3%**	**367,0%**	**353,6%**	**136,3%**	**37,1%**	
II	**Chi thường xuyên**	**163.539**	**200.176**	112.004	191.356	**158.395**	**163.472**	**68,5%**	**56,0%**	**170,8%**	**95,6%**	**146,0%**	**85,4%**	**103,2%**
II.1	**Vốn ngoài nước**	**1.000**	**892**	1.761	1.761	**1.780**	**1.780**	**176,1%**	**197,4%**	**100,0%**	**197,4%**	**101,1%**	**101,1%**	**100,0%**
	Dự án An ninh Y tế tiểu vùng sông Mê Kông vốn ADB (Ghi thu - ghi chi)	1.000	892	1.761	1.761	1.780	1.780	176,1%	197,4%	100,0%	197,4%	101,1%	101,1%	100,0%
II.2	**Vốn trong nước**	**162.539**	**199.284**	110.243	189.595	**156.615**	**161.692**	**67,8%**	**55,3%**	**172,0%**	**95,1%**	**146,7%**	**85,3%**	**103,2%**
1	***Chi thực hiện một số nhiệm vụ***	*144.163*	*181.896*	*80.441*	*156.210*	*117.135*	*122.212*	*55,8%*	*44,2%*	*194,2%*	*85,9%*	*151,9%*	*78,2%*	*104,3%*
2	***Chi các chương trình mục tiêu***	*18.376*	*17.388*	*29.802*	*33.385*	*39.480*	*39.480*	*162,2%*	*171,4%*	*112,0%*	*192,0%*	*132,5%*	*118,3%*	*100,0%*

Biểu số 3

TỔNG HỢP BIÊN CHẾ, KHỐI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số: 457. /BC-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Trong đó:		
			Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực Y tế	Lĩnh vực KHCN
1	Số lượng người làm việc (đơn vị: người)				
a	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2019				
	Trong đó:				
-	Biên chế công chức (cấp tỉnh và cấp huyện)	1.858	142	88	40
-	Biên chế cán bộ, công chức cấp xã	2.325			
-	Biên chế viên chức	18.418	14.342	3.023	27
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính	259	5	11	7
	+ Trong đơn vị sự nghiệp	1.766	1.385	244	-
-	Lao động hợp đồng khác				
b	Số lượng người làm việc đến thời điểm tháng 10/2019				
	Trong đó:				
-	Biên chế công chức (cấp tỉnh và cấp huyện)	1.699	128	73	37
-	Biên chế cán bộ, công chức cấp xã	2.164			
-	Biên chế viên chức	16.877	13.458	2.528	22
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính	210	5	8	5
	+ Trong đơn vị sự nghiệp	1.664	1.305	237	-
-	Lao động hợp đồng khác	608	57	300	-
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị)				
a	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tại thời điểm tháng 10/2019	670	484	115	1
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên	22	1	1	1
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên	334	196	103	-
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên	314	287	11	-

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Trong đó:		
			Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực Y tế	Lĩnh vực KHCN
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
b	**Số lượng đơn vị sự nghiệp công dự kiến năm 2020**	655	480	104	1
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên	22	1	1	1
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên	331	194	102	-
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên	302	285	1	-
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				